

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2512/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Qui Đức,
huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 06/TTr-BQL, ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 234/TB-TCT-PTNT ngày 31 tháng 8 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số: 703/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và

các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, huyện Bình Chánh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**Xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức,
huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2512/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ QUI ĐỨC, HUYỆN BÌNH CHÁNH

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên:

Qui Đức là một xã của huyện Bình Chánh. Ranh giới xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- Phía Tây giáp xã Hưng Long.
- Phía Nam giáp xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- Phía Bắc giáp xã Đa Phước.

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Qui Đức là 647,88 ha. Trong đó gồm: đất nông nghiệp 527,3776 ha chiếm 81,40% diện tích của xã (Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 523,4674 ha (đất trồng cây hàng năm 348,9120 ha, đất trồng cây lâu năm 174,5554 ha), còn lại 3,9102 ha đất nuôi trồng thủy sản); đất phi nông nghiệp 120,4373 ha chiếm 18,59% diện tích đất của xã, đất chưa sử dụng là 0,0651 ha.

2. Dân số:

Theo niên giám thống kê 2010, toàn xã có 10.677 nhân khẩu, 2.298 hộ gia đình, mật độ dân số bình quân 1.647 người/km². Trong đó: số hộ nông nghiệp: 659 hộ chiếm 28,6%, số hộ phi nông nghiệp và dịch vụ khác: 1.639 hộ chiếm 71,32%. Dân số của xã phân bố không đồng đều tại các ấp, chủ yếu tập trung dọc theo các kênh rạch, trục đường chính trong xã (Quốc lộ 50, Đoàn Nguyễn Tuân) thuận lợi cho sản xuất và kinh doanh. Những năm gần đây, do làm tốt công tác kế hoạch hóa gia đình nên công tác

dân số đã đạt những kết quả rất đáng khích lệ. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của xã ở mức thấp dưới 1,05% (năm 2010) so với tỷ lệ tăng tự nhiên trung bình toàn huyện.

3. Lao động:

- Tổng số người trong độ tuổi lao động: 7.060 người. Trong đó: lao động đang làm việc: 5.290 người (74,93%), đang đi học: 1.520 người (21,53%), nội trợ - có việc làm nhưng chưa ổn định: 250 người (3,54%).

- Cơ cấu lao động ngành nông nghiệp: 34,34%, Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 6,79%, dịch vụ: 58,6% (Cụ thể: Nông nghiệp: 1.817 lao động, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 369, lao động, dịch vụ: 3.104 lao động).

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch:

- Hiện Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đã ban hành Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2012 về duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân xã Qui Đức đang trình thành phố phê duyệt Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn đến năm 2015 (Tỷ lệ 1:5000), đã hoàn thành nhiệm vụ Quy hoạch nông thôn mới, dự kiến đến Quý IV/2013 sẽ hoàn thành đồ án Quy hoạch nông thôn mới.

2. Hạ tầng kinh tế - Xã hội:

2.1. Giao thông:

Tổng km đường xã Qui Đức là 54 km:

- Đường trục xã, liên xã là 14 km, đã được nhựa hóa 4 km (28%), còn 10 km cần tiếp tục thực hiện.

- Đường trục ấp là 12 km, tỷ lệ cứng hóa 4,5%.

- Đường ngõ, xóm: 18 km, bê tông, đá, tỷ lệ cứng hóa là 2%.

- Đường trục chính nội đồng: 10 km, tỷ lệ cứng hóa 0%.

2.2. Kênh, rạch (Thủy lợi - Phòng, chống lụt, bão):

- Xã Qui Đức có tổng chiều dài kênh cấp 3 là 20 km, trong đó có 03km kênh đã được nạo vét.

- Thực trạng hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã Qui Đức có 08 kênh cấp II trên tổng chiều dài gần 8km, 12 cống đầu mỗi Φ100. Tuy nhiên do ngân sách Huyện còn khó khăn nên chưa đáp ứng các yêu cầu về duy tu sửa chữa.

2.3. Điện:

- Hiện xã có 34 trạm biến áp với tổng dung lượng là 6.000 KVA.
- Hiện xã đã có 99,99% hộ dân trên tổng số 2.298 hộ đang sử dụng điện quốc gia đã có đồng hồ riêng.
- Tuy nhiên, hệ thống đèn chiếu sáng dọc theo các tuyến đường trên địa bàn xã còn hạn chế chỉ có 02 tuyến có hệ thống chiếu sáng đang hoạt động (Đường Đoàn Nguyễn Tuân, Quốc lộ 50), còn các hệ thống khác đang tạm ngừng hoạt động.

2.4. Trường học:

- Khối mầm non: Trong xã có trường mầm non Phong Lan, với tổng diện tích 2.575 m², bao gồm 01 điểm chính 1542,6m².
- Khối tiểu học: Có một trường tiểu học Qui Đức với diện tích là 3.037m² gồm 01 điểm chính.
- Khối trung học cơ sở: Có trường trung học cơ sở Qui Đức với diện tích là 3.648m². Cơ sở vật chất của các nhà trường được chỉnh trang, sạch đẹp, tạo điều kiện tốt cho học sinh học tập.
- Tổng số học sinh bậc tiểu học có 920 em, không có trẻ dưới 15 tuổi bỏ học. Tỷ lệ lên lớp thẳng đạt 91,32%, đạt hiệu suất đào tạo 98%.
- Xã có 01 trường trung học cơ sở. Niên học 2011 - 2012 có 546 học sinh nhập học. Năm 2010 có 96,5% học sinh lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 100%, hiệu suất đào tạo ước đạt 85,91%.
- Trường phổ thông trung học: Chưa có.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

- a) Số nhà văn hóa xã, ấp: Xã có 04 văn phòng ấp, nhưng đang trong tình trạng xuống cấp hoặc thuê mượn.
- b) Khu thể thao của xã: Xã chưa có khu thể dục thể thao; tuy nhiên trong thời gian qua để tạo điều kiện cho nhu cầu giải trí và tổ chức các hoạt động cho người dân, xã phải tận dụng một số bãi đất trống.

2.6. Chợ:

- Trên địa bàn xã có 01 chợ (trong đó có 20 Kiốt) và nhiều điểm buôn bán nhỏ lẻ dọc các tuyến đường, chủ yếu phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của người dân. Ngoài ra, xã còn có 01 siêu thị tư nhân, tạo điều kiện cho người dân xã tiếp cận với các dịch vụ

tiêu dùng hàng ngày cao hơn. Tuy nhiên, hiện chợ đang trong tình trạng xuống cấp cần phải cải tạo trong thời gian tới.

2.7. Bưu điện:

- Xã có 01 bưu điện.
- Về hệ thống thông tin liên lạc: Toàn xã có 1.536 điện thoại cố định; tỷ lệ hộ có điện thoại cố định khá cao (bình quân 2 hộ/máy).
- Hiện toàn xã có 589 hộ có máy vi tính. Toàn xã có 03 điểm truy cập Internet đang hoạt động ở ấp 1 và ấp 3.
- Năm 2010, xã đã đầu tư sửa chữa và nâng cấp hệ thống phát thanh, tuy nhiên mức độ đầu tư còn thấp.

2.8. Nhà ở dân cư nông thôn:

- Toàn xã có tổng số nhà ở là 2.357 căn, trong đó nhà đạt chuẩn khoảng 1.475 căn (chiếm 62,58%), nhà chưa đạt chuẩn 745 căn (chiếm 31,61%), nhà tạm bợ còn khoảng 40 căn đang được các cấp chính quyền huyện, xã vận động hỗ trợ xây dựng, sửa chữa.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất:

3.1. Kinh tế:

Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI cơ cấu kinh tế của xã là **Nông nghiệp (46,64%) - Thương mại, Dịch vụ (45,4%) - Tiểu thủ công nghiệp (7,96%)**.

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt: Trong năm 2011, diện tích thu hoạch lúa hè thu 160/160 ha, năng suất 3,4 tấn, sản lượng 544 tấn, đạt 100%, diện tích lúa mùa và hè thu cấy lại 220/220 ha; diện tích gieo trồng 220 ha, năng suất 22 tấn, sản lượng 4.840 tấn; diện tích hoa, cây kiểng là 10 ha, bao gồm các loại hoa nền, hoa kiểng-bonsai, mai,...

- Chăn nuôi: Heo 1.500/1.500 con.

- Thủy sản: Diện tích thả cá ước đạt 20 ha.

Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2011 ước đạt 80,2 tỷ đồng, trong đó trồng trọt chiếm 73,3%, chăn nuôi chiếm 26,02%, thủy sản chiếm 0,68%.

b) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Hiện xã có 123 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, giá trị nộp thuế cho nhà nước 310 triệu đồng năm 2010. Giá trị sản xuất của ngành này ước đạt 12,1 tỷ đồng.

c) Dịch vụ - Thương mại: Các ngành dịch vụ của xã tương đối kém phát triển, tập trung chủ yếu trên 02 tuyến đường chính

- Thu nhập bình quân/người: 15,11 triệu đồng/người/năm.

- Số lượng hộ nghèo: 598 hộ (theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm) chiếm 25,83% tổng số hộ toàn xã. Nếu theo tiêu chí của thành phố giai đoạn 1: 06 triệu đồng/người/năm: thì trên địa bàn xã không còn hộ có thu nhập dưới 06 triệu đồng.

3.2. Tỷ lệ lao động có việc làm:

- Cơ cấu lao động đang làm việc theo các ngành: Nông nghiệp - thương mại, dịch vụ - Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp của xã theo tỷ lệ tương ứng: 49,71% - 42,9% - 7,5%. So với giá trị sản xuất khá hợp lý với giá trị đóng góp của các ngành đối với nền kinh tế xã, bên cạnh đó hiện xã đang dần chuyển dịch cơ cấu lao động sang làm việc tại các công ty, khu công nghiệp, các vùng lân cận như tỉnh Long An và các xã khác của huyện Bình Chánh.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm đạt 74,7% (5.274/7.060).

3.3. Hình thức tổ chức sản xuất:

- Số doanh nghiệp: có 123 doanh nghiệp, cơ sở chế biến, sản xuất kinh doanh trên địa bàn chủ yếu thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Kinh tế trang trại: 01 trang trại nuôi heo

- Kinh tế tập thể: Đã thành lập các tổ hợp tác rau, tổ hợp tác chôi lông gà và tổ hợp tác chăn nuôi - thủy sản, tổ hoa cây kiểng.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. Giáo dục:

- Về công tác phổ cập:

+ Tỷ lệ đạt chuẩn xóa mù chữ: từ 15 đến 35 tuổi đạt 99,78% (3.228/3235), từ 25 đến 60 tuổi đạt 98,44% (7.016/7.127).

+ Tỷ lệ trẻ học mầm non dưới 5 tuổi: đạt 100%.

+ Tỷ lệ học tiểu học đúng độ tuổi đạt 94,04%, trong đó trẻ 6 tuổi đạt 100% .

+ Tỷ lệ phổ cập trung học cơ sở đạt 93,01%.

+ Tỷ lệ phổ cập trung học phổ thông đạt 74,95%.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 88,17%.

Một số chỉ tiêu khác:

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, dạy nghề) là 99,17%.

4.2. Y tế:

Hiện xã có 01 trạm y tế với số lượng cán bộ là 08 người trong đó có: 01 bác sĩ, 01 y sĩ, 03 y tá, 01 dược tá, 2 nữ hộ sinh. Cùng với sự hỗ trợ của trung tâm y tế huyện, sự nỗ lực vượt bậc của đội ngũ cán bộ y tế năm qua xã đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và thực hiện các chương trình y tế quốc gia đạt kết quả khá. Một số tiêu chí như sau:

- Điều kiện trang thiết bị y tế hiện nay: đang được đầu tư xây dựng, tuy nhiên cơ sở thiết bị vẫn còn thiếu và chưa đạt chuẩn.

- Số lượng cá nhân đăng ký BHYT: 4.741 cá nhân (chiếm tỷ lệ 44,40%).

4.3. Văn hóa:

Năm 2011, xã có 04 ấp được công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa, đạt tỷ lệ 100%. Số hộ dân được công nhận là hộ gia đình văn hóa là 1.900 hộ, đạt tỷ lệ 82,86%.

4.4. Môi trường:

- Hiện toàn xã có 02 trạm cung cấp nước thuộc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, cung cấp nước sạch cho 1.150 hộ, ngoài ra còn có sự đầu tư giếng nước của tổ chức UNICEF nên nhìn chung hiện nay có khoảng 99,82% (2.275 hộ/2.298 hộ) đã tiếp cận sử dụng nguồn nước sạch, còn lại người dân toàn xã sử dụng nước khoan ở độ sâu dưới 200m mới đảm bảo vệ sinh, do nguồn nước các tầng phía trên bị nhiễm mặn khá cao.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 80%.

- Xử lý chất thải: hiện xã có tổ thu gom rác tỷ lệ 72% tập trung chủ yếu trên các tuyến đường lớn, dân cư tập trung như Quốc lộ 50, Hưng Long - Qui Đức, Đoàn Nguyễn Tuân, Nguyễn Văn Long, Bùi Văn Sự, Phạm Tấn Mười, khu dân cư ấp 1, 2, còn lại các hộ dân nằm ở khu vực dân cư thưa thớt nên chủ yếu tự tiêu hủy.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%.

- Nghĩa trang: trên địa bàn xã hiện nay chưa có nghĩa trang.

5. Hệ thống chính trị - an ninh trật tự xã hội:

5.1. Hệ thống chính trị của xã:

- Hiện nay, Đảng bộ có 11 chi bộ trực thuộc, với tổng số Đảng viên của xã là 107 Đảng viên. Trong đó, Đảng viên là cán bộ, công chức là 40 Đảng viên, hưu trí là 21 Đảng viên, đơn vị sự nghiệp là 26 Đảng viên, nghề nghiệp khác là 20 Đảng viên. Cụ thể như sau: Chi bộ ấp 1 có 15 Đảng viên, ấp 2 có 17 Đảng viên, ấp 3 có 10 Đảng viên, ấp 4 có 20 Đảng viên, chi bộ Quân sự có 08 Đảng viên, chi bộ chính quyền có 08 Đảng viên, chi bộ Công an có 3 Đảng viên, chi bộ trường mầm non 06 Đảng viên, chi bộ trường tiểu học Qui Đức 07 Đảng viên, chi bộ Thanh tra xây dựng 3 Đảng viên và chi bộ trung học cơ sở có 10 Đảng viên. Chất lượng sinh hoạt của Ban chấp hành từng bước được nâng cao, kết quả đánh giá tổ chức cơ sở Đảng và Đảng viên có 9/11 chi bộ Đảng đạt trong sạch vững mạnh (kết quả năm 2011).

- Về trình độ chính trị: Sơ cấp: 70 đồng chí; Trung cấp: 31 đồng chí; Đại học: 02 đồng chí; Cao cấp: 02 đồng chí, cao cấp đang học: 01 đồng chí.

- Số cán bộ, công chức có trình độ hiện đạt chuẩn theo quy định là 95%.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy trong việc tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của huyện và xã, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của xã.

5.2. Tình hình trật tự xã hội an ninh trên địa bàn:

Nhìn chung, trong thời gian qua chính quyền xã thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, thực hiện chương trình mục tiêu “3 giảm”. Giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, không xảy ra các tình huống bất ngờ, nhân dân đồng thuận thực hiện tốt chương trình chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

Xây dựng và duy trì tốt “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”, “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”, ý thức cảnh giác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong nhân dân, cán bộ công chức ngày càng nâng cao.

Lực lượng công an xã từng bước được củng cố, được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng khả năng yêu cầu giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã trong tình hình mới.

6. Các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã:

- Các chương trình hỗ trợ lãi suất phục vụ cho chương trình chuyển đổi.

- Thực hiện công tác vận động nhân dân hiến đất làm đường giao thông theo Chỉ thị số 01-CT/HU ngày 13 tháng 9 năm 2004 của Huyện ủy.

- Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu phí vệ sinh và bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện về tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn huyện.

- Thực hiện nâng cấp đầu tư đường Nguyễn Văn Long, kinh phí đầu tư là 3,6 tỷ đồng.

- Thực hiện nâng cấp đầu tư đường Cầu Ông Chiêm, kinh phí đầu tư là 2,4 tỷ đồng.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ QUI ĐỨC ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng xã Qui Đức trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, áp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng xã Qui Đức trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

+ Năm 2012 đạt 7/19 tiêu chí (4, 8, 13, 16, 17, 18, 19).

+ Năm 2013 đạt 11/19 tiêu chí (thêm 4 tiêu chí: 1, 3, 12, 14).

+ Năm 2014 đạt 16/19 tiêu chí (thêm 5 tiêu chí: 6, 7, 9, 11, 15).

+ Năm 2015 đạt 19/19 tiêu chí (thêm 3 tiêu chí: 2, 5, 10).

* Những chỉ tiêu cụ thể:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, đảm bảo cho người dân có nơi đổ rác thải, nơi chôn cất đúng quy định, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5 đến 1,8 lần so với mức khởi điểm xuất phát năm 2012.

- Cơ cấu kinh tế theo hướng: Nông nghiệp - Thương mại, dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm từ 25,83% xuống 1% (theo báo cáo của Huyện), tức từ 598 hộ (năm 2011) đến năm 2014 chỉ còn dưới 10 hộ.

- Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp (tỷ lệ lao động ở độ tuổi làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp) giảm bình quân 8 - 10%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã là trên 10%/năm trong giai đoạn 2012-2015.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 4/4 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới về quy hoạch.

b) Nội dung:

Hoàn thành quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT/BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn:

2.1. Giao thông:

a) Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Nâng cấp, mở rộng, cải tạo:

+ Nâng cấp, cải tạo đường trục xã, liên xã: chiều dài 8.800m (láng nhựa).

+ Nâng cấp, mở rộng, cải tạo các tuyến đường liên ấp, liên tổ: tổng chiều dài 2.120m (bê tông xi măng).

+ Nâng cấp đường ngõ xóm: 2.800m (bê tông xi măng).

+ Đường nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.

2.2. Thủy lợi:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Gia cố lại thượng, hạ lưu; nâng cấp cải tạo các cống thoát nước rạch Mương, rạch Bà Kết trên đường Hưng Long - Qui Đức và cống số 2, số 3 trên đường liên ấp 1-4.

- Làm mới cống điều tiết thay cầu hiện hữu tại ấp 1 trên rạch Xóm Rẫy.

- Nạo vét, gia cố, chỉnh trang đường bờ kênh Nguyễn Văn Long; kênh đường bờ kênh Nguyễn Văn Thê; kênh đường bờ kênh Nguyễn Văn Thời; Nạo vét, gia cố, chỉnh trang, thay cống qua kênh đường bờ kênh Hóc Hưu nổi dài.

- Nâng cấp lắp đặt cống thoát nước (cống hộp) ấp 1 gồm các tổ 8, 13, 14, 15; làm mới cống thoát nước và cửa điều tiết Rạch Nhà máy ấp 1; nạo vét, đặt cống hộp để thông thoáng dòng chảy Rạch Cầu Hội.

2.3. Điện:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Cải tạo nâng cấp hệ thống điện của xã, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng dọc các tuyến đường xuyên ấp: đường Nguyễn Văn Long, Nguyễn Văn Thê, Hóc Hưu, Nguyễn Văn Thời với 345 bóng.

- Gắn đồng hồ điện riêng sử dụng từ lưới điện quốc gia cho những hộ chưa có.

- Điều tra khảo sát và gắn mới điện kế sản xuất cho những hộ sản xuất nông nghiệp.

2.4. Trường học:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

+ Trường mầm non Qui Đức: Xây mới đạt chuẩn.

+ Trường tiểu học Qui Đức: Xây mới đạt chuẩn.

+ Trường trung học cơ sở Qui Đức: Xây mới đạt chuẩn.

+ Bồi thường, xây mới 01 phân hiệu trường tiểu học để giảm áp lực sĩ số học sinh cho trường tiểu học Qui Đức đạt chuẩn - 2.000m².

2.5. Y tế:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 về cơ sở vật chất y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Xây dựng mới trạm y tế, vườn thuốc nam, hệ thống nước và xử lý chất thải đạt chuẩn.

2.6. Cơ sở vật chất văn hóa:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng Trung tâm văn hóa gắn liền với khu tưởng niệm của địa danh căn cứ Hóc Hưu tại ấp 3, dự kiến 1.000m².

- Cải tạo, nâng cấp văn phòng Ban nhân dân ấp 1 kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao; xây mới văn phòng Ban nhân dân các ấp 2, 3, 4 kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao. Quy mô 300 - 500 m²/văn phòng ấp, nhà làm việc Ủy ban nhân dân xã (phòng tiếp dân, phòng phát thanh, phòng thanh tra xây dựng).

2.7. Chợ:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: cải tạo chợ hiện tại.

2.8. Bưu điện:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: nâng cấp bưu điện xã.

2.9. Nhà ở dân cư nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới - Chính trang nhà ở các khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển, đảm bảo về mỹ quan khu dân cư nông thôn ven đô.

- Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát.

b) Nội dung thực hiện: vận động xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa; Vận động và tuyên truyền người dân cải tạo sửa chữa để không còn nhà tạm, tham khảo nhà mẫu cho nông thôn khi có nhu cầu xây nhà mới.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất:

3.1. Phương hướng phát triển các ngành sản xuất nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập người dân:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2015, thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5 đến 1,8 lần (khoảng 24 triệu đồng/người/năm).

b) Nội dung thực hiện:

Khuyến khích phát triển nông nghiệp và các dịch vụ nông nghiệp (hoa cây kiểng, cá cảnh, thú y, sửa chữa cơ khí nhỏ, các loại hình dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí trong nông thôn...) theo hướng đô thị, diện tích đất ít nhưng hiệu quả kinh tế cao, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường.

b.1) Trồng Hoa Lan:

- Có thể áp dụng ấp 1, 2, 3, 4.

- Quy mô dự kiến: 06 ha.

- Mô hình điểm: Nguyễn Văn Hùng A12/18 A, Ấp 1, xã Qui Đức.

b.2) Trồng các loại rau an toàn:

- Địa điểm dự kiến phát triển: ấp 2, 3, 4.

- Quy mô dự kiến: 70 ha, chú trọng phát triển các loại rau.

- Loại rau dự kiến: Rau ăn lá (cải xanh, cải ná, mùng toi...), ớt, rau ăn quả (mướp, bầu bí)...

- Mô hình điểm: Nguyễn Văn Phương C6/34 ấp 3 xã Qui Đức.

- Nếu kết hợp cả trồng rau ăn lá và rau ăn quả, với khoảng 6 vụ bình quân hàng năm, lợi nhuận thu được từ rau có thể mang lại khoảng 15 triệu đồng/1000m² như hộ ông Nguyễn Văn Phương ấp 3.

b.3) Mô hình VAC-Biogas kết hợp:

- Địa điểm phát triển: Ấp 3, 4.

- Quy mô dự kiến: 20 ha.

- Hình thức dự kiến: Rau - cá - nuôi heo - tận sử dụng hầm biogas.

- Mô hình điểm: Nguyễn Văn Thúc, C5/1 Ấp 3, xã Qui Đức.

b.4) Trồng lúa đặc sản - Rau - Hoa vạn thọ:

- Quy mô dự kiến: 80 ha.

- Mô hình điểm: Mai Văn Truyền, C5/14 Ấp 3 xã Qui Đức.

b.5) Ngành nghề nông thôn:

Thực hiện các chương trình cấy nghề cho người dân xã Qui Đức như trồng nấm, sinh vật cảnh (hoa kiểng, bon sai, cá kiểng...), các ngành nghề nông thôn khác (mộc, cơ khí, nấu ăn, may, đan...) phù hợp với lao động lớn tuổi hiện nay tại địa phương.

3.2. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

b) Nội dung:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện phấn đấu đến năm 2014 hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo theo tiêu chí mới của thành phố, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 1% vào năm 2014.

- Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

- Kế hoạch giảm hộ nghèo khoảng 10%/năm, đến năm 2014 trên địa bàn xã giảm còn dưới 1% hộ nghèo theo chuẩn 12 triệu đồng/người/năm.

3.3. Tỷ lệ lao động có việc làm:

a) Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện, các trường lân cận và các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

- Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

- Lưu ý quan tâm đến việc tạo nghề cho nữ lao động nông thôn, phấn đấu đến 2015 đạt tỷ lệ 40% lao động nữ nông thôn được đào tạo nghề nghiệp (Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 2011 - 2015).

- Lĩnh vực đào tạo nghề cho 500 lao động nông thôn.

3.4. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung:

- Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

- Bồi dưỡng, đào tạo: tổ trưởng, tổ phó tổ hợp tác nhằm nâng cao về năng lực quản lý.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính,...).

- Hỗ trợ mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế tổ hợp tác.

4. Văn hóa xã hội và môi trường:

4.1. Giáo dục:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với các đoàn thể vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

- Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp.

- Tuyên truyền, hội thảo và phân nhóm lao động.

4.2. Y tế:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

b) Nội dung thực hiện:

- Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng; công tác dân số gia đình và trẻ em luôn được quan tâm chú trọng. Thực hiện tốt công tác khám, điều trị và phòng chống các dịch bệnh.

- Kết hợp Trung tâm Y tế dự phòng Huyện tổ chức tiêm ngừa vaccin, uống vitamin A cho trẻ và khám phụ khoa cho phụ nữ trong độ tuổi sinh sản đạt kế hoạch được giao.

- Tổ chức truyền thông lồng ghép, tuyên truyền vận động các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện các biện pháp tránh thai.

4.3. Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn:

a) Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Bổ sung các quy ước về nếp sống văn hóa. Xây dựng chuẩn gia đình văn hóa, các ấp văn hóa, tổ dân phố văn hóa theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin về việc ban hành Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng Văn Hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

- Thí điểm xã hội hóa khu văn hóa - thể dục thể thao, tụ điểm văn hóa tại các ấp trên cơ sở chọn lọc những loại hình phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông tin địa phương.

- Xây dựng quy ước ấp (hương ước) về nếp sống văn hóa nông thôn: (tập trung vào việc cưới, tang, chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội); giữ gìn vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

4.4. Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

+ Trồng cây xanh các tuyến đường, trường học, cơ quan, y tế... vận động dân tham gia các hội thi Môi trường xanh của Sở, thành phố (Môi trường xanh, Chủ nhật xanh...).

+ Vận động người dân thực hiện chôn cất đúng theo quy định (khu nghĩa trang Qui Đức).

+ Xây dựng, cải tạo hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của hộ dân, nơi đổ rác chung cho cộng đồng; Lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt.

+ Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Cty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích huyện để thiết lập, quản lý và vận hành các tuyến đường thu gom, vận chuyển rác cho phù hợp với quy định chung của thành phố.

+ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng, chống ô nhiễm môi trường sản xuất.

5. Hệ thống chính trị - an ninh trật tự xã hội:

5.1. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền đoàn thể chính trị xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

5.2. An ninh chính trị và trật tự xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Nội dung 1: Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tại cơ sở. Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nông cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung 2: Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, ấp, tổ hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, dự kiến: 473.887 triệu đồng, gồm:

1.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 409.287 triệu đồng (chiếm 86,37%).

1.2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 64.600 triệu đồng (chiếm 13,63%).

2. Nguồn vốn:

2.1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 392.440 triệu đồng, chiếm 83%; trong đó:

+ Vốn Nông thôn mới: 170.515 triệu đồng.

+ Vốn lồng ghép: 221.925 triệu đồng, chia ra:

* Vốn ngân sách tập trung: 203.225 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 18.700 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).

2.2. Vốn cộng đồng đóng góp: 63.447 triệu đồng, chiếm 13%; trong đó:

+ Vốn dân: 35.217 triệu đồng.

+ Vốn doanh nghiệp: 28.230 triệu đồng.

2.3. Vốn vay tín dụng: 18.000 triệu đồng, chiếm 4%.

2.4. Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ:

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

3.1. Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

3.2. Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 04 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện:

4.1. Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

4.2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Qui Đức huyện Bình Chánh chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Qui Đức và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Bình Chánh và xã Qui Đức; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Qui Đức cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Qui Đức.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và Ban quản lý xây

dựng nông thôn mới xã Qui Đức, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Qui Đức.

4.3. Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Qui Đức, huyện Bình Chánh; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà